

Số: 692/QĐ-CĐBT

Bến Tre, ngày 01 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (Lần 2)
Trường Cao đẳng Bến Tre

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-LĐTĐBXH ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Trường Trung cấp Y tế vào Trường Cao đẳng Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-CĐBT ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-CĐBT ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Ban giám hiệu, đại diện Đảng ủy và Chủ tịch Công đoàn về việc thống nhất điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (Lần 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính và Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 Ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-CĐBT ngày 20/11/2019 và Quyết định số

431/QĐ-CĐBT ngày 06/7/2020 của Hiệu trưởng bằng nội dung đính kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với nội dung được điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này đều bãi bỏ. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng các phòng, khoa, trung tâm có liên quan thuộc Trường Cao đẳng Bến Tre căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (giám sát);
- Kho bạc Nhà nước (giám sát);
- Đảng ủy (thay báo cáo);
- Công đoàn (giám sát);
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC.(24b)

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Huân

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (LẦN 2)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-CĐBT ngày 01/10/2020)

Stt	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH)
Điều 4. Cơ sở pháp lý để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ			
1	Cập nhật quy định mới	Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Thông tư số 39/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc kiểm soát chi qua KBNN và việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.
Điều 6. Những quy định cụ thể			
1. Thu khác			
QUY ĐỊNH CÁC KHOẢN CHI			
Điều 7. Định mức các khoản chi			
2	Cập nhật quy định mới	1. Các khoản chi cho người lao động a) Tiền lương, tiền công - Tiền lương của lao động hợp đồng lao động trả theo hợp đồng thỏa thuận dựa trên tính chất công việc, trình độ đào tạo và chi nộp BHXH theo qui định.	1. Các khoản chi cho người lao động a) Tiền lương, tiền công - Tiền lương của lao động hợp đồng lao động trả theo quy định của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển

Stt	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH)
		g) <i>Phụ cấp trách nhiệm</i> g.1. <u>Đối với cấp Ủy viên cấp cơ sở</u> - Thực hiện Công văn số 1131/CV-VPTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 05 tháng 02 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện Quy định số 169/QĐ-TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp Ủy viên các cấp. - Thực hiện Hướng dẫn số 01/HDLN-VPTU-STC của văn phòng Tỉnh Ủy và Sở Tài chính Tỉnh Bến Tre, ngày 21 tháng 7 năm 2008 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp Ủy viên các cấp. Hệ số phụ cấp được hưởng là 0,3. <u>g.4 Phụ cấp trách nhiệm Ban chỉ huy quân sự, cán bộ trung đội, tiểu đội</u> Thực hiện theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.	dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. g) <i>Phụ cấp trách nhiệm</i> g.1. <u>Đối với cấp Ủy viên cấp cơ sở</u> - Thực hiện Công văn số 1131/CV-VPTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 05 tháng 02 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện Quy định số 169/QĐ-TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp Ủy viên các cấp. - Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/ĐUK của Đảng ủy khối Cơ quan – Doanh nghiệp tỉnh Bến Tre ngày 04 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn một số nội dung chủ yếu thực hiện công tác tài chính tại chi bộ, đảng bộ cơ sở. Mức chi phụ cấp cấp ủy cơ sở là 0,3 mức lương cơ sở. <u>g.4 Phụ cấp trách nhiệm Ban chỉ huy quân sự</u> Thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.
3	Cập nhật quy định mới	2. Chi học bổng - Thực hiện Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thực hiện theo Thông tư số 31/2013/TT-BGD&ĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc	2. Chi học bổng - Thực hiện Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục. - Căn cứ vào quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên

Stt	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH)
		sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. - Các khoá tuyển sinh từ năm 2017, thực hiện Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐT BXH ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề (trừ SV ngành Sư phạm). - Căn cứ vào quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng. - Căn cứ vào quyết định số 278/QĐ-CĐBT ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng. - Căn cứ vào quyết định số 538/QĐ-CĐBT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre ban hành quy định về công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Bến Tre. Cụ thể: - Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học. - Đối với những sinh viên chưa hoàn tất học phí đúng thời gian qui định thì nhà trường không xét học bổng. - Kinh phí để cấp học bổng: Trích 8% kinh phí thu học phí hệ chính quy trong năm đối với HSSV các khoá tuyển sinh từ năm 2016 trở	nghiep, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng. - Căn cứ vào quyết định số 278/QĐ-CĐBT ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng. - Căn cứ vào quyết định số 538/QĐ-CĐBT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre ban hành quy định về công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Bến Tre. Cụ thể: - Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học. - Đối với những sinh viên chưa hoàn tất học phí đúng thời gian qui định thì nhà trường không xét học bổng. - Kinh phí để cấp học bổng: Trích 8% kinh phí thu học phí hệ chính quy trong năm. Riêng SV ngành Sư phạm kinh phí chi từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp (do SV ngành Sư phạm không thu học phí).

Stt	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH)
		về trước, trích 15% kinh phí thu học phí đối với HSSV các khoá tuyển sinh từ năm 2017 trở về sau. Riêng SV ngành Sư phạm trích 8% mức thu học phí hệ chính quy, kinh phí từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp (do SV ngành Sư phạm không thu học phí).	
4	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế	6. Chi quản lý hành chính a) <i>Chi thanh toán dịch vụ công cộng</i> a.2. <u>Sử dụng ô tô, xăng xe</u> Cụ thể: Xe ô tô TOYOTA 71M-001.40, xe ô tô TOYOTA 71A-003.11 (4 chỗ): 13 lít/100 km; xe ô tô For Transit 71B-0634 (16 chỗ): 16 lít/100km. Cuối tháng kiểm tra và thanh toán theo công-tơ-mét. Phòng TC - HC chịu trách nhiệm.	6. Chi quản lý hành chính a) <i>Chi thanh toán dịch vụ công cộng</i> a.2. <u>Sử dụng ô tô, xăng xe</u> Cụ thể: Xe ô tô TOYOTA 71A-003.11 (4 chỗ): 13 lít/100 km. Cuối tháng kiểm tra và thanh toán theo công-tơ-mét. Phòng TC - HC chịu trách nhiệm.
5	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế	7. Chi phí thuê mướn b) <i>Đối với giáo viên thỉnh giảng của hoạt động đào tạo lái xe:</i> thanh toán theo đơn giá: 40.000 đ/h.	7. Chi phí thuê mướn b) <i>Đối với giáo viên thỉnh giảng của hoạt động đào tạo lái xe:</i> - Giảng dạy lý thuyết: 40.000 đ/h. - Giảng dạy thực hành: 20.000 đ/h.
6	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế	9. Chi phí thuê mướn khác - Công tác vệ sinh môi trường ở các cơ sở học tập HSSV tự đóng góp một phần kinh phí để thuê người phục vụ. Mỗi HSSV nộp 60.000 đ/khóa.	9. Chi phí thuê mướn khác - Công tác vệ sinh môi trường ở các cơ sở học tập HSSV tự đóng góp một phần kinh phí để thuê người phục vụ. Mỗi HSSV nộp 60.000 đ/năm.
7	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế	13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn h) <i>Chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học</i> Vận dụng theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí	13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn h) <i>Chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học</i> Vận dụng theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán

Stt	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020	QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2020 (NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH)
		đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bến Tre. Tổng mức chi bằng 03% của tổng nguồn thu học phí hệ chính quy.”	kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bến Tre. Tổng mức chi bằng 03% của tổng nguồn thu học phí hệ chính quy và thực hiện theo dự toán kinh phí được lãnh đạo phê duyệt.
8	Bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế	13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn <i>k. Chi thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp</i> - Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký: 50.000 đ/buổi. - Viết các tiêu chuẩn: 4 tiết/tiêu chuẩn x 50.000 đ/tiêu chuẩn. - Phản biện các tiêu chuẩn: 2 tiết/tiêu chuẩn x 50.000 đ/tiêu chuẩn.
9	Bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế	14. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	14. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác <i>k. Hội đồng đồng trường:</i> - Chủ tịch Hội đồng: 100.000 đ/lần/người. - Thành viên, thư ký Hội đồng: 50.000 đ/lần/người.
10	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế	Điều 9. Quy định sử dụng các quỹ cơ quan 3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi b) <i>Chi quỹ phúc lợi</i> c) <i>Chi đi đám tang, thăm hỏi theo quy định thống nhất của Đảng uỷ, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên, chính quyền, cụ thể:</i> c.4. <u>Việc thăm hỏi, tang gia của</u> trường phó sở, ngành tỉnh, lãnh đạo trường bạn và lãnh đạo huyện nằm trong mối quan hệ công tác của nhà trường với các cơ quan, đơn vị ngoài nhà trường và giáo viên thỉnh giảng ngoài trường. Mức chi: 500.000 đ/ trường hợp (tiền, nhang, đèn, phúng điếu)	Điều 9. Quy định sử dụng các quỹ cơ quan 3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi b) <i>Chi quỹ phúc lợi</i> c) <i>Chi đi đám tang, thăm hỏi theo quy định thống nhất của Đảng uỷ, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên, chính quyền, cụ thể:</i> c.4. <u>Việc thăm hỏi, tang gia của</u> trường phó sở, ngành tỉnh, lãnh đạo trường bạn và lãnh đạo huyện nằm trong mối quan hệ công tác của nhà trường với các cơ quan, đơn vị ngoài nhà trường và giáo viên thỉnh giảng ngoài trường. Mức chi: 1.000.000 đ/ trường hợp (tiền, nhang, đèn, phúng điếu)